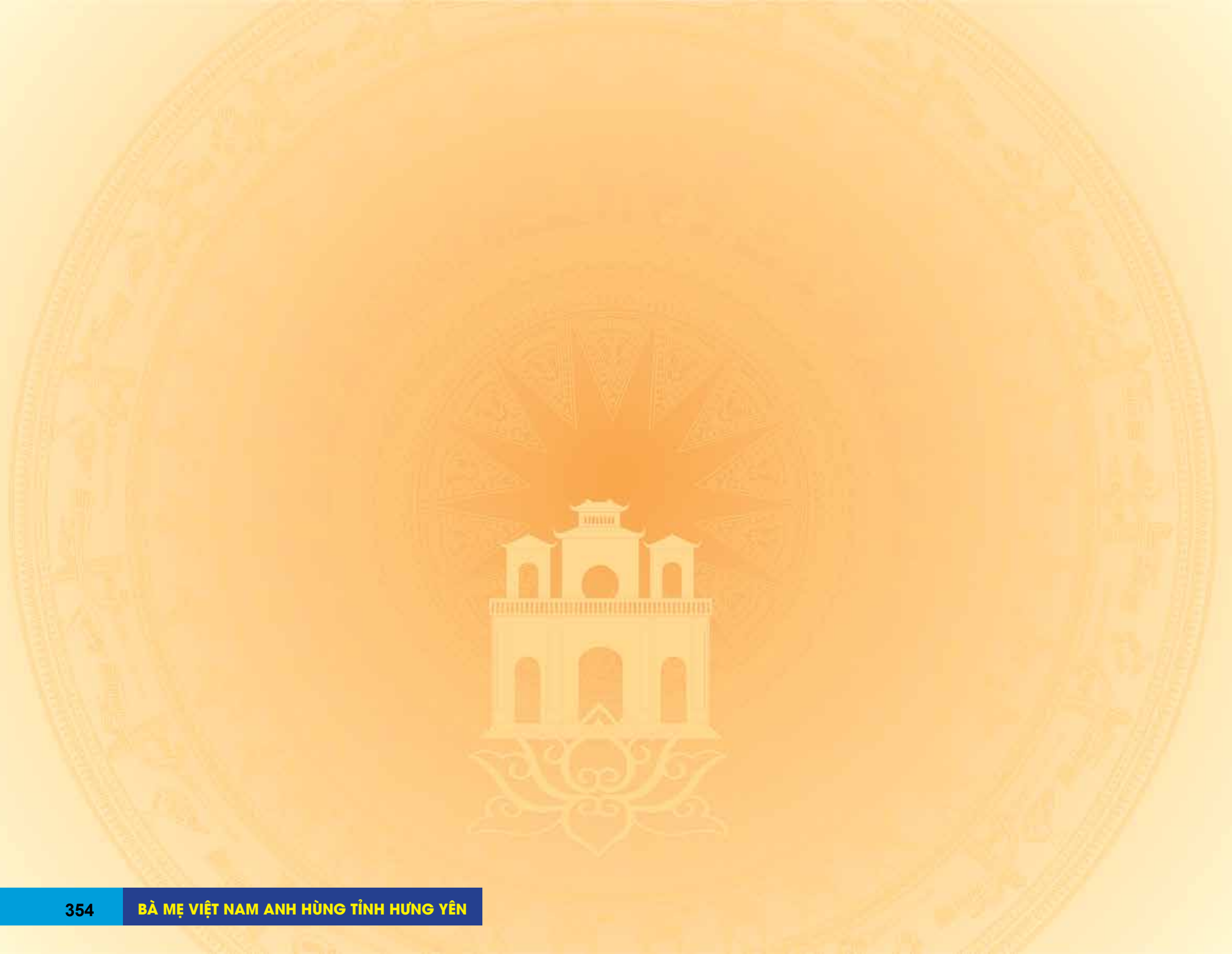




HUYỆN MỸ HÀO

107 BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG THỊ TRẦN BẦN YÊN NHÂN



Mẹ NGUYỄN THỊ XÔ



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 2001
Quê quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Trung Tuy: Sinh năm 1941; hy sinh ngày 23-2-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OV 695^b ngày 11-4-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ ĐỎ



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1978
Quê quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Phúc Duyên: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 20-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 936^b ngày 14-7-1973.

Mẹ VŨ THỊ HỒI



Năm sinh: 1867; năm từ trần: 1950
Quê quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 01-1996.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Văn Xuyên: Sinh năm 1913; hy sinh ngày 24-01-1949, tại Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 652^c.



Mẹ VŨ THỊ MÙI



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1994
Quê quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Thanh Nam: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 09-12-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 824^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Báu: Sinh năm 1949; hy sinh ngày 22-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số ĐB 225^b.

Mẹ NGÔ THỊ GÁI



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1941
Quê quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Thành Hất: Sinh năm 1923; nhập ngũ ngày 19-8-1945; hy sinh ngày 07-8-1949, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2992^{bp}/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Huyến: Sinh năm 1927 ngày nhập ngũ 19-8-1945; đơn vị tại ngũ C834-D922-E64; hy sinh ngày 29-5-1954, tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2998^{bp}/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ BỘ



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1984
Quê quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Ngô Văn Năm: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 7-1967; hy sinh ngày 22-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GĐ 382^b.
2. Liệt sĩ Ngô Quý Phúc: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 9-1965; hy sinh ngày 19-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số A 4895^b.



Mẹ VƯƠNG THỊ ỚNG



Năm sinh: *; năm từ trần: 1960
Quê quán: Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ngày 01-7-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Khánh Dư: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 10-1966; đơn vị tại ngũ E268; hy sinh ngày 18-3-1969, tại ấp Cây Da, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh; Bằng Tổ quốc ghi công số GL 586^b ngày 09-02-1980.

Mẹ PHẠM THỊ BA



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đình Trị: Sinh năm 1932; hy sinh năm 1954, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2979^{bp}/CL ngày 02-7-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Thuần Mỗi: Sinh năm 1938; hy sinh tháng 3-1969, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số VM 981^{bm}/CL ngày 24-2-1970.

Mẹ LẠI THỊ MỘC



Năm sinh: 1902; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Thành tích của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Có hai con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Tựa: Sinh năm 1925; hy sinh ngày 08-6-1952; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 337^b/CL ngày 14-11-1963.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Vân: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 24-02-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 974^b/CL.



Mẹ NGUYỄN THỊ ỈN



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Châu: Sinh năm 1925, hy sinh năm 1948, tại tỉnh Bắc Giang; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2978^b/CL ngày 02-7-1959.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Bảo: Sinh năm 1936; hy sinh năm 1954; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 477^k/CL ngày 04-5-1959.





Mẹ LÊ THỊ TÝ



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Tạc: Sinh năm 1924; hy sinh năm 1949, tại thôn Cẩm Quan, xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 1241^b.

2. Liệt sĩ Vũ Văn Dũng: Sinh năm 1928, hy sinh năm 1954, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số PK 019^k.

Mẹ QUẢN THỊ ĐỨC



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1932
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.

Con độc nhất là liệt sĩ Quản Văn Tiết: Sinh năm 1930; nhập ngũ ngày 15-01-1950; hy sinh ngày 13-11-1953; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 353^b/CL ngày 14-11-1963.

Mẹ PHẠM THỊ NHÀNG



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 2004
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.

Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.

Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Văn Viện: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 5-1967; đơn vị tại ngũ C2-E36; hy sinh ngày 31-8-1968, tại huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BH 819^b/CL ngày 07-3-1972.



Mẹ LỖ THỊ XƯA



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1961
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ngày 22-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đỗ Thị Nay: Sinh năm 1925; nhập ngũ năm 1945; đơn vị tại ngũ du kích xã; hy sinh ngày 20-5-1952, tại Bệnh viện Xanh Pôn, thành phố Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 790^c/CL ngày 31-3-2009.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGẠN



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ: Lỗ Trác Bồ; Sinh năm 1913; hy sinh ngày 24-7-1947, tại tỉnh Hải Hưng; Bằng Tổ quốc ghi công số EQ185^{cp}.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Lỗ Quang Tuyên (Lê Quang Tuyên): Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1963; hy sinh ngày 01-5-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 458^b ngày 05-4-1977.

Mẹ ĐỖ THỊ KHỐI



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1997
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đỗ Văn Nhiều: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 15-4-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VD 398^b/CL ngày 5-4-1977.
2. Liệt sĩ Đỗ Văn Ít: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 12-3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TS 133^b/CL ngày 01-3-1977.



Mẹ ĐẶNG THỊ HỌA



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Đặng Đình Lầu: Sinh năm 1943; hy sinh ngày 22-3-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TB 926^b/CL ngày 30-11-1976.
2. Liệt sĩ Đặng Văn Vòng: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 04-4-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VK 190^b ngày 13-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGŨ



Năm sinh: 1901 năm từ trần: *
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Khúc Đình Bàn: Sinh năm 1921; hy sinh ngày 23-6-1951, tại nhà tù Hỏa Lò, thành phố Hà Nội; Bằng Tổ quốc ghi công số EQ 137^{kp} ngày 29-8-2001.
2. Liệt sĩ Khúc Đình Bệ: Sinh năm 1923; hy sinh ngày 01-5-1952, tại thôn Cẩm Sơn, xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số EQ 138^{kp} ngày 29-8-2001.

Mẹ VŨ THỊ TÀM



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Khuốc, sinh ngày 25-10-1945; hy sinh ngày 01-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 999^b ngày 14-7-1973.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Sước: Sinh năm 1950; hy sinh ngày 08-3-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 767^b ngày 13-4-1977.



Mẹ KHÚC THỊ UYÊN



Năm sinh: 1909; năm từ trần: 1996
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Đẩu: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 02-1959; đơn vị tại ngũ E240-F363; hy sinh ngày 25-4-1967, tại tỉnh Hải Phòng; Bằng Tổ quốc ghi công số DM 2^b/CL ngày 10-4-1968.

2. Liệt sĩ Vũ Dục: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 2-1960; hy sinh ngày 17-10-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NA 474^b ngày 18-6-1974.

Mẹ VŨ THỊ PHẨM



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1961
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Thế Kim: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1968; đơn vị tại ngũ du kích xã Cẩm Xá; hy sinh ngày 11-12-1951, tại xã Phan Đình Phùng; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1447^c/CL ngày 02-11-1959.

2. Liệt sĩ Nguyễn Thế Tha: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 17-9-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 047^b/CL ngày 14-7-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ BÉ



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1989
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Khúc Văn Thắm: Sinh năm 1935; nhập ngũ tháng 11-1952; hy sinh ngày 15-10-1954, tại Nà Sản, tỉnh Điện Biên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3025^b/CL ngày 02-7-1959.

2. Liệt sĩ Khúc Xuân Dinh: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 9-1969; hy sinh ngày 5-4-1972, tại Đắc Tô, tỉnh Kon Tum; Bằng Tổ quốc ghi công số VG 422^b/CL.



Mẹ VŨ THỊ NGHỊ



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Chính: Sinh năm 1939; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 01-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 567^b/CL.
2. Liệt sĩ Phạm Hồng Tâm: Sinh năm 1944; nhập ngũ ngày 06-01-1967; hy sinh ngày 22-12-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số Mặt trận phía Nam 672^b/CL ngày 19-12-1970.

Mẹ QUẢN THỊ GIAO



Năm sinh: 1901; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Văn Miên: Sinh năm 1936; hy sinh ngày 18-3-1953, tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Bằng Tổ quốc ghi công số OX352^b/CL ngày 14-11-1963.
2. Liệt sĩ Phạm Văn Côi: Sinh năm 1938; hy sinh ngày 30-4-1970, tại Mặt trận đường 9; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 950^b ngày 14-7-1973.

Mẹ PHẠM THỊ QUÝT



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 2012
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Chồng là liệt sĩ: Tạ Văn Các: Sinh năm 1919; hy sinh ngày 14-6-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số EQ191^{CP}.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ Tạ Văn Lệ: Sinh năm 1932; hy sinh ngày 15-9-1951; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 354^b/CL ngày 14-11-1963.



Mẹ ĐÀO THỊ TRĂM



Năm sinh: 1885; năm từ trần: 1964

Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Luân: Sinh năm 1920; nhập ngũ ngày 12-7-1945; đơn vị tại ngũ C395-D89-E36-F308; hy sinh ngày 01-9-1954, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 4605^b ngày 01-10-1959.

2. Liệt sĩ Phạm Văn Lệ: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 25-02-1947, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số BX 032^b ngày 31-8-1960.





Mẹ LƯU THỊ HIẾN



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hải: Sinh năm 1926; đơn vị tại ngũ Công an tỉnh Hưng Yên; hy sinh tháng 3-1949, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XE 1133^c ngày 14-11-1963.

Mẹ TRẦN THỊ TRỨ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Nhân Thịnh, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng năm 1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đức Ngọ: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 13-3-1969, tại Kênh 2, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 456^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Trọng: Sinh năm 1948; đơn vị tại ngũ C23-KB; hy sinh ngày 03-3-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NK 377^b.

Mẹ LÊ THỊ ẤT



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2010
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Thịnh.



Mẹ PHẠM THỊ DIÊN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 2000
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Xuân Quỳnh: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 01-01-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OT 749^b ngày 01-4-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ VUI



Năm sinh: 1890; năm từ trần: 1954
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Kim Bảo: Sinh năm 1910; nhập ngũ tháng 1-1944; hy sinh ngày 26-12-1951, tại Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1411^c.
2. Liệt sĩ Nguyễn Kim Sinh: Sinh năm 1917; nhập ngũ tháng 8-1945; đơn vị tại ngũ Bộ đội chủ lực huyện Mỹ Hào; hy sinh ngày 29-01-1951, tại thôn Yên Tập, xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 1412^c.

Mẹ VŨ THỊ SÂM



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Nguyên; hy sinh ngày 17-3-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 587^b ngày 1-9-1973.



MẸ ĐẶNG THỊ CON



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng năm 1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Mã: Sinh năm 1933; nhập ngũ tháng 12-1953; đơn vị tại ngũ Đoàn 9066 22452IS Tổng cục Hậu cần; hy sinh ngày 07-6-1966, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số CM 994^b.

Mẹ LÊ THỊ TÀM



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1949
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Bá Giềng; hy sinh ngày 03-8-1949, tại thôn Phan Bôi, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số NX 304^k tháng 11-1963.

Mẹ LÊ THỊ ĐẠO



Năm sinh: 1922; năm từ trần: 1945
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Duy Bồn: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 08-5-1970, tại Mặt trận Lào; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 787^b ngày 01-10-1971.



Mẹ TRỊNH THỊ ĐỨC



Năm sinh: *; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 847 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Duy Phòng: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 12-10-1946, tại Mặt trận phía Nam.

Mẹ PHẠM THỊ CHÚC



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng năm 1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Đức Thịnh: Sinh năm 1935; hy sinh ngày 13-3-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số BX 064^b ngày 31-8-1960.

Mẹ NGUYỄN THỊ MÃ



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1948
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng năm 1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Hữu Long: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 29-11-1971; Bằng Tổ quốc ghi công số RN 147^b ngày 03-7-1976.



Mẹ LÊ THỊ BÈ



Năm sinh: 1901; năm từ trần: 1968
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Vũ Chú: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 28-2-1954; Bằng Tổ quốc ghi công số BX 008^b ngày 31-8-1960.
2. Liệt sĩ Nguyễn Vũ Đền: Sinh năm 1941; đơn vị tại ngũ CT3 Đoàn 4336-F320; hy sinh năm 1968; Bằng Tổ quốc ghi công số HI 295^b/CL.

Mẹ HÀN THỊ SỬ



Năm sinh: 1912; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ: Lưu Đình Chân: Sinh năm 1912; hy sinh tháng 8-1950; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 366^b/CL.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ: Lưu Mạnh Tấn: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 26-6-1963, tại Biên giới; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 645^b.

Mẹ VŨ THỊ TỶ



Năm sinh: 1903; năm từ trần: 1968
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hồ Đình Chiêm; hy sinh ngày 17-12-1952, tại thôn Trương Xá, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3980^b/CL ngày 02-7-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Nhâm: Sinh năm 1930; hy sinh ngày 15-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TG 880^b/CL ngày 22-2-1977.



Mẹ NGUYỄN THỊ XÓI



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hàn Đức Vị: Sinh năm 1929; nhập ngũ năm 1947; hy sinh năm 1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RG 584^b.
2. Liệt sĩ Hàn Đức Tẩy: Sinh năm 1931; nhập ngũ năm 1952; hy sinh ngày 4-7-1965, tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tứ Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; Bằng Tổ quốc ghi công số Mặt trận phía Nam 676^b.

Mẹ PHẠM THỊ MÔNG



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1990
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Đình Chung: Sinh năm 1949; nhập ngũ tháng 8-1969; đơn vị tại ngũ D8-305-P1; hy sinh ngày 15-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 635^b/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Đình Thành: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 8-1971; đơn vị tại ngũ C11-D9-KP; hy sinh ngày 18-5-1974; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 822^b/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ SANG



Năm sinh: 1855; năm từ trần: 1940
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 6-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Hồ Đình Tuấn: Sinh năm 1931; hy sinh ngày 21-01-1951, tại tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3020^b/CL ngày 02-7-1959.
2. Liệt sĩ Hồ Quang Hưng: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 15-8-1972, tại Mặt trận Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 503^b ngày 05-4-1977.



Mẹ VŨ THỊ NGỌT



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1943
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Quốc Tuấn: Sinh năm 1938; nhập ngũ tháng 2-1961; đơn vị tại ngũ KN; hy sinh tháng 02-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 610^b/CL.
2. Liệt sĩ Vũ Đình Dương: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 7-1968; đơn vị tại ngũ KB; hy sinh ngày 25-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OS 426^b.

Mẹ NGÔ THỊ PHÁN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Chiến Thắng (nay là xã Tân Phúc), huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Trung Sơn; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 22-10-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GN082^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Thủy: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1970; hy sinh năm 1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 262^b.

Mẹ VŨ THỊ CHI



Năm sinh: 1929; năm từ trần: 1983
Quê quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2596/QĐ-CTN ngày 24-11-2015.
Chồng là liệt sĩ: Nguyễn Văn Đước: Sinh năm 1946; hy sinh ngày 12-11-1972, tại huyện Cần Đước, tỉnh Long An; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 303^b.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ: Nguyễn Văn Quân: Sinh năm 1960; nhập ngũ năm 1979; hy sinh ngày 11-10-1980, tại Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số 5AA 401^b ngày 12-6-1981.



BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ DƯƠNG QUANG

Mẹ LÝ THỊ THƯỜNG



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1988
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Chồng là liệt sĩ: Nguyễn Văn Phương: Sinh năm 1915; nhập ngũ năm 1944; đơn vị tại ngũ Huyện ủy Mỹ Hào; hy sinh ngày 06-9-1950, tại xã Dương Quang, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 712^c ngày 01-6-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ: Nguyễn Huy Cương: Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 2-1964; đơn vị tại ngũ C1-D1-E18-F316; hy sinh ngày 06-3-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số UQ 944^b ngày 01-4-1977.

Mẹ NGUYỄN THỊ KHAI



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1953
Quê quán: Xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng năm 1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Phạm Thành Đô: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1971; hy sinh ngày 19-1-1973, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số SA 001^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ CỜ



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997
Con độc nhất là liệt sĩ Lý Văn Kền: Sinh năm 1948; đơn vị tại ngũ C3-D1; hy sinh ngày 02-02-1968, tại chiến trường B; Bằng Tổ quốc ghi công số MI 288^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ TỎ



Năm sinh: 1896; năm tử trần: 1998
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Đình Gia: Sinh năm 1934; nhập ngũ tháng 8-1968; hy sinh ngày 16-02-1970, tại huyện Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Bằng Tổ quốc ghi công số EX 988^b ngày 09-12-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ THỜI



Năm sinh: 1901; năm tử trần: 1989
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Kiều Hữu Điều: Sinh năm 1939; đơn vị tại ngũ E6- Quân khu Trị Thiên; hy sinh ngày 18-9-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RG574^b.
2. Liệt sĩ Kiều Văn Đôn: Sinh năm 1942; đơn vị tại ngũ C2-D32-P2; hy sinh ngày 09-3-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PH 621^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ GÁI



Năm sinh: 1904; năm tử trần: 1986
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2223/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Chồng là liệt sĩ: Bùi Đăng Thái: Sinh năm 1906; nhập ngũ năm 1945; đơn vị tại ngũ xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa; hy sinh tháng 02-1950, tại thôn Trầm Xuyên, xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA828^c ngày 01-6-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ: Bùi Đăng Bột: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 2-1965; đơn vị tại ngũ E22-P3; hy sinh ngày 19-3-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VL 302^c.



Mẹ NGUYỄN THỊ ĐIỀN



Năm sinh: 1891; năm tử trần: 1963
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Phụng: Sinh năm 1912; nhập ngũ năm 1945; đơn vị tại ngũ Ủy ban nhân dân xã Dương Quang; hy sinh ngày 04-6-1949, tại xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA650^c ngày 04-5-1959.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Sừ: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 3-1947; đơn vị tại ngũ xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa; hy sinh ngày 06-02-1950, tại thôn Long Đăng, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 793^c ngày 01-6-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ VA



Năm sinh: 1905; năm tử trần: 1948
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Kiều Văn Thuởng: Sinh năm 1915; nhập ngũ năm 1945; đơn vị tại ngũ Ủy ban nhân dân xã Dương Quang; hy sinh ngày 23-7-1950, tại Cầu Đặng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 830^c/CL ngày 01-6-1959.
2. Liệt sĩ Kiều Văn Bản: Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1947; đơn vị tại ngũ Du kích, tại xã Dương Quang, huyện Mỹ Hòa; hy sinh ngày 23-7-1950, tại xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 363^k/CL ngày 01-6-1959.





Mẹ NGUYỄN THỊ DỊU



Năm sinh: 1906; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Vũ Văn Hoan: Sinh năm 1928; đơn vị tại ngũ Bộ đội Hồng Châu, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 27-9-1947, tại huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2994^b ngày 02-7-1959.

2. Liệt sĩ Vũ Văn Hân: Sinh năm 1930; đơn vị tại ngũ Du kích xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 03-3-1953, tại tỉnh Hải Dương; Bằng Tổ quốc ghi công số EB 1201^b ngày 01-6-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHẬN



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1987
Quê quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lê Văn Thiết: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1965; đơn vị tại ngũ C1-D19-KB; hy sinh ngày 08-02-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 548^b.

2. Liệt sĩ Lê Văn Đoàn: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ D10-F2; hy sinh ngày 01-7-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 519^b.

Mẹ PHẠM THỊ NGỌAN



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1976
Quê quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.

Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Thư: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1963; hy sinh ngày 20-10-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 689^b ngày 20-2-1974.



Mẹ VŨ THỊ ĐÍCH



Năm sinh: 1923; năm từ trần: 1975
Quê quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Vũ Hồng Quân: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 16-11-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RY 828^b ngày 11-8-1976.

Mẹ PHẠM THỊ THIỀU



Năm sinh: 1927; năm từ trần: 2012
Quê quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Quảng: Sinh năm 1949; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ D5-KB; hy sinh ngày 24-8-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LB 771^b/CL
2. Liệt sĩ Nguyễn Đức Huỳnh: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1971; đơn vị tại ngũ C17-E95-F325; hy sinh ngày 18-4-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HK 184^b/CL.

Mẹ PHẠM THỊ NHÂN



Năm sinh: 1927
Quê quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phòng tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2222/QĐ-CTN ngày 06-9-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhôn (Nguyễn Văn Nhấn): Sinh năm 1950; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 04-8-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PH 080^b/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vò: Sinh năm 1956; nhập ngũ năm 1974; đơn vị tại ngũ C1-D1-KH5; hy sinh ngày 27-4-1975, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QK 208^b/CL.



Mẹ NGUYỄN THỊ BÉ



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 2009
Quê quán: Xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
Trú quán: Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Phạm Văn Thư: Sinh năm 1954; nhập ngũ tháng 5-1971; hy sinh ngày 14-5-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 255^b ngày 29-6-1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hải (con nuôi): Sinh năm 1940; nhập ngũ tháng 4-1963; hy sinh ngày 31-10-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KM 593^b ngày 28-11-1968.

Mẹ TRẦN THỊ LÃI



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Đức (Nguyễn Hữu Đức): Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1946; hy sinh ngày 07-2-1947, tại xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số BC352^k ngày 04-5-1972.
2. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Địch: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 08-11-1950, tại thôn Trà Phương, xã Hồng Vân, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 2986^b ngày 02-7-1959.

Mẹ HOÀNG THỊ MỸ



Năm sinh: 1888; năm từ trần: 1952
Quê quán: Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Trần Văn Kỳ (Trần Văn Kỳ): Sinh năm 1927; nhập ngũ năm 1949; hy sinh ngày 13-3-1951, tại huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 345^{bp}/CL ngày 14-11-1963.
2. Liệt sĩ Trần Văn Phúc: Sinh năm 1916; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 21-02-1953, tại xã Hưng Long, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 299^{kp}/CL ngày 14-11-1963.



Mẹ TRƯƠNG THỊ MỐC



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 2003

Quê quán: Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Hưng Long, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-2-2015.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Bùi Văn Bệu: Sinh năm 1936; nhập ngũ năm 1952; hy sinh ngày 17-5-1954, tại xã Hưng Long, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 301^k/CL ngày 14-11-1963.

2. Liệt sĩ Bùi Văn Lân: Sinh năm 1925; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 23-3-1947, tại tỉnh Quảng Ninh; Bằng Tổ quốc ghi công số OX 589 ngày 11-11-1964.





Mẹ VŨ THỊ YẾN



Năm sinh: 1890; năm tử trần: 1965
Quê quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Đặng Văn Đài: Sinh năm 1922; hy sinh ngày 30-10-1949, tại đường 5; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 681^c.

Mẹ NGUYỄN THỊ HẠT



Năm sinh: 1921; năm tử trần: 1962
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 1212 KT/CTN ngày 28-4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn An: Sinh năm 1941; nhập ngũ ngày 26-12-1969; đơn vị tại ngũ D10-P2; hy sinh ngày 01-6-1976, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RI 293^b ngày 03-7-1976.

Mẹ ĐỖ THỊ BÉN



Năm sinh: 1921; năm tử trần: 2010
Quê quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Phạm Đình Lượng: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ C2-D7-KH; hy sinh ngày 24-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OM 416^b ngày 24-6-1969.
2. Liệt sĩ Phạm Đình Tư: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 3-1967; đơn vị tại ngũ C3-D1-E48-F320; hy sinh ngày 27-5-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RL 533^b ngày 03-7-1976.



Mẹ ĐẶNG THỊ HỐT



Năm sinh: 1908; năm từ trần: 1978
Quê quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bùi Khánh Đoàn: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 09-1965; đơn vị tại ngũ C8-D3-E203; hy sinh ngày 23-01-1967, tại tỉnh Hòa Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số 81 396^b ngày 01-6-1969.
2. Liệt sĩ Bùi Đình Thành: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 7-1966; đơn vị tại ngũ D10-E68; hy sinh ngày 11-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 241^b ngày 29-6-1973.

Mẹ VŨ THỊ SÍNH



Năm sinh: 1922
Quê quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ: Phạm Văn Nhắc: Sinh năm 1919; hy sinh ngày 10-02-1950, tại xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XL 308^k.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ: Phạm Văn Với: Sinh năm 1948; nhập ngũ tháng 2-1968; đơn vị tại ngũ F308; hy sinh ngày 01-01-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VK 1992^b ngày 13-4-1977.

Mẹ ĐỖ THỊ THẬT



Năm sinh: 1899; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Nhất.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Hạ: Sinh năm 1920; nhập ngũ năm 1945; hy sinh ngày 11-01-1952, tại huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 674^b.
2. Liệt sĩ Nguyễn Xuân Thang: Sinh năm 1925; nhập ngũ ngày 01-10-1945; hy sinh ngày 24-11-1953, tại Điện Biên Phủ; Bằng Tổ quốc ghi công số BX 063^b.



Mẹ DƯ THỊ HON



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1974
Quê quán: Xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Quốc Định, sinh ngày 10-8-1945; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 29-6-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số GE 046^b năm 1973.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Đính, sinh ngày 12-9-1952; nhập ngũ 1971; đơn vị tại ngũ A2-D16-KT; hy sinh ngày 21-3-1973, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 525^b.

Mẹ ĐẶNG THỊ VIỄN



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 2014
Quê quán: Xã Dương Quang, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Hữu Ấu: Sinh năm 1952; hy sinh ngày 08-10-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số NL 001^b ngày 10-7-1974.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Chũ, sinh ngày 10-10-1959; hy sinh ngày 28-02-1979, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số 9D 563^b ngày 28-11-1979.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ NHÂN HÒA

Mẹ NGUYỄN THỊ HÈ



Năm sinh: 1915; năm từ trần: 2006
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương kháng chiến hạng Ba.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Xuân Vừa: Sinh năm 1950; nhập ngũ ngày 30-7-1969; đơn vị tại ngũ C3-D80-E36; hy sinh ngày 20-8-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số BK 142^b ngày 23-6-1976.

Mẹ ĐẶNG THỊ CHẤP



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1982
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Bá Côi: Sinh năm 1940; nhập ngũ năm 1967; hy sinh ngày 30-9-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AU 792^b ngày 08-10-1971.

Mẹ NGUYỄN THỊ NGHĨA



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1962
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Đinh Quang Nghi: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1970; đơn vị tại ngũ C10-D9-E66; hy sinh ngày 21-6-1972, tại Cao điểm 35 - Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 927^b ngày 08-12-1976.



Mẹ NGUYỄN THỊ CHÉP



Năm sinh: 1911; năm từ trần: 1976
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Nhỡ: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1969; đơn vị tại ngũ Đoàn 247; hy sinh ngày 09-9-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 906^b ngày 05-8-1972.

Mẹ NGUYỄN THỊ MÂU



Năm sinh: 1914; năm từ trần: 1993
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Văn Tạo: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1952; hy sinh ngày 24-6-1954, tại xã (nay là phường) Bạch Hạc, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 3017^b ngày 02-7-1959.
2. Liệt sĩ Vũ Mạnh Hùng: Sinh năm 1945; nhập ngũ năm 1967; đơn vị tại ngũ C15-E52-F320; hy sinh ngày 01-3-1968, tại Mặt trận phía Nam.
3. Liệt sĩ Vũ Văn Năm: Sinh năm 1947; nhập ngũ năm 1968; hy sinh ngày 01-6-1968, tại tỉnh Quảng Trị; Bằng Tổ quốc ghi công số MY 606^b ngày 19-02-1970.

Mẹ VŨ THỊ ÓA



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1951
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hồng: Sinh năm 1929; hy sinh ngày 17-5-1948, tại xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số ZB 1200^k ngày 01-6-1959.



Mẹ NGUYỄN THỊ KÍU (CỨU)



Năm sinh: 1914; năm tử trần: 1969
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Quyết: Sinh năm 1954; nhập ngũ năm 1971; đơn vị tại ngũ C2-D7-E18-F325; hy sinh ngày 20-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LQ 583^b ngày 25-4-1974.

Mẹ KHÚC THỊ TRẠI



Năm sinh: 1911; năm tử trần: 1968
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 54 KT/CTN ngày 12-01-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Đào Văn Muộn: Sinh năm 1931; hy sinh năm 1948, tại xã Dị Sử, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 630^k ngày 01-6-1959.

Mẹ NGUYỄN THỊ THẢO



Năm sinh: 1902; năm tử trần: 1967
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 522 KT/CTN ngày 27-8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Trịnh Quang Hòa: Sinh năm 1946; nhập ngũ năm 1966; hy sinh ngày 14-3-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 312^b tháng 4-1977.



Mẹ NGUYỄN THỊ TÝ



Năm sinh: 1925; năm từ trần: 1999
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vũ Tiến Sự: Sinh năm 1948; nhập ngũ năm 1971; hy sinh ngày 07-6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PL 297^b ngày 19-8-1975.
2. Liệt sĩ Vũ Văn Thường: Sinh năm 1952; nhập ngũ năm 1971; đơn vị tại ngũ C2-D1-KT; hy sinh ngày 10-12-1972, tại Biên giới Tây Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KR 672^b ngày 20-4-1974.

Mẹ PHẠM THỊ THÍNH



Năm sinh: 1916; năm từ trần: 1967
Quê quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thân: Sinh năm 1940; đơn vị tại ngũ Cán bộ công binh xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; hy sinh ngày 15-11-1967, tại xã Nhân Hòa, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AM 360^k ngày 28-11-1968.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tụng: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 4-1962; đơn vị tại ngũ C1-D26- Quân khu Tây Bắc; hy sinh ngày 09-6-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số LP 495^b/CL ngày 25-4-1974.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ PHAN ĐÌNH PHÙNG

Mẹ KHÚC THỊ BÉ



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 2012
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Cỏn: Sinh năm 1943; nhập ngũ tháng 6-1962; hy sinh ngày 19-10-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VQ 896^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ NHẪN



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1973
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo tháng 12-1994.
Có 3 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Trường: Sinh năm 1921; nhập ngũ năm 1947; hy sinh tháng 12-1948, tại xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XC 195^c ngày 17-11-1964.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Thế: Sinh năm 1926; nhập ngũ năm 1947; hy sinh tháng 12-1948, tại xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 362^k ngày 17-11-1964.
3. Liệt sĩ Nguyễn Văn Tiến: Sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1947; hy sinh 1949, tại xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 302^c ngày 04-5-1972.

Mẹ ĐẶNG THỊ KẾ



Năm sinh: 1902; năm từ trần: 1965
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Ngâm: Sinh năm 1924; nhập ngũ năm 1946; hy sinh tháng 11-1950, tại xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 645^c ngày 17-11-1964.



Mẹ NGUYỄN THỊ ỒN



Năm sinh: 1918; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Vương Văn Bí: Sinh năm 1932; nhập ngũ tháng 2-1961; đơn vị tại ngũ D1-E2-P1; hy sinh tháng 6-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số TE 803^b.

Mẹ TRẦN THỊ XA



Năm sinh: 1895; năm từ trần: 1948
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Bì Nhật Tân: Sinh năm 1921; nhập ngũ tháng 8-1948; hy sinh năm 1950, tại huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1338^b.

Mẹ ĐẶNG THỊ KHANG



Năm sinh: 1897; năm từ trần: 1980
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 8-1995.
Con độc nhất là liệt sĩ Lê Văn Ngoạt: Sinh năm 1928; nhập ngũ năm 1952; đơn vị tại ngũ Huyện đội Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; hy sinh tháng 02-1953, tại huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 300^b ngày 17-11-1964.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ NGONG



Năm sinh: 1910; năm từ trần: 1950
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hội (tức Ô) sinh năm 1932; nhập ngũ năm 1947; hy sinh ngày 15-01-1950, tại thôn Phúc Miếu, xã Hòa Phong, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 3482^b ngày 02-7-1959.

Mẹ TRẦN THỊ MỨC



Năm sinh: 1900; năm từ trần: 1973
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Chúc: Sinh năm 1922; nhập ngũ tháng 02-1952; hy sinh tháng 4-1954, tại thôn Kim Huy, xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XN 306^k ngày 14-11-1963.

Mẹ VƯƠNG THỊ DUYÊN



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1958
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tháng 4-1997.
Con độc nhất là liệt sĩ Trịnh Văn Phi: Sinh năm 1930; nhập ngũ tháng 12-1946; đơn vị tại ngũ Huyện đội Mỹ Hòa; hy sinh tháng 9-1949, tại huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 899^b.



Mẹ NGUYỄN THỊ THỨ



Năm sinh: 1898; năm từ trần: 1985
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Bì Ngọc Liễu: Sinh năm 1925; nhập ngũ tháng 1-1948; đơn vị tại ngũ du kích xã Phan Đình Phùng; hy sinh tháng 3-1951, tại xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 642^c/CL ngày 04-5-1959.
2. Liệt sĩ Bì Văn Nhị: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 4-1963; đơn vị tại ngũ C2-X60-P1; hy sinh ngày 01-6-1966, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RB 103^b ngày 23-7-1976.

Mẹ TRẦN THỊ GIỚI



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1972
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ: Trần Văn Quế: Sinh năm 1915; nhập ngũ năm 1952; đơn vị tại ngũ du kích xã Phan Đình Phùng; hy sinh năm 1952, tại xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số XQ 1290^b/CL ngày 01-6-1959.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ: Trần Quốc Nam: Sinh năm 1941; nhập ngũ tháng 10-1966; đơn vị tại ngũ C2-D4-E165-F7-KB; hy sinh ngày 09-4-1969, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PK 988^b/CL ngày 04-9-1975.

Mẹ NGUYỄN THỊ CẦN



Năm sinh: 1913; năm từ trần: 1998
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Vương Văn Tiết: Sinh năm 1942; nhập ngũ tháng 7-1966; đơn vị tại ngũ F316-P3; hy sinh tháng 4-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VI 292^b ngày 01-4-1977.
2. Liệt sĩ Vương Văn Chiên: Sinh năm 1950; nhập ngũ tháng 7-1969; hy sinh tháng 6-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 449^b ngày 11-01-1974.



Mẹ LƯƠNG THỊ UYỂN



Năm sinh: *; năm từ trần: *
Quê quán: Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Chồng là liệt sĩ: Khúc Văn Nghiêm: Sinh năm 1905; nhập ngũ tháng 10-1945; hy sinh tháng 2-1951, tại xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên; Bằng Tổ quốc ghi công số AC 310^c ngày 04-5-1972.
Có 1 con là liệt sĩ:
Liệt sĩ: Khúc Văn Huấn: Sinh năm 1922; nhập ngũ tháng 11-1946; hy sinh tháng 11-1951, tại huyện Mỹ Hòa; Bằng Tổ quốc ghi công số XA 914^c.

Mẹ NGUYỄN THỊ BÍCH



Năm sinh: 1907; năm từ trần: 1975
Quê quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 254/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Uyển: Sinh năm 1927; nhập ngũ tháng 10-1952; hy sinh ngày 10-8-1967, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số DM 4^b/CL.
2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Vóc: Sinh năm 1946; nhập ngũ tháng 4-1966; đơn vị tại ngũ C13-P37; hy sinh ngày 28-8-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số Mặt trận phía Nam 914^p/CL.

Mẹ NGUYỄN THỊ SON



Năm sinh: 1930
Quê quán: Xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phan Đình Phùng, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 253/QĐ-CTN ngày 10-02-2015.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Lê Văn O: Sinh năm 1959; nhập ngũ tháng 6-1977; hy sinh ngày 01-6-1979, tại Campuchia; Bằng Tổ quốc ghi công số 9G 687^b ngày 19-02-1979.
2. Liệt sĩ Lê Văn Sấn: Sinh năm 1951; nhập ngũ tháng 10-1969; đơn vị tại ngũ D80-KN; hy sinh ngày 10-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VH 712^b.

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ PHÙNG CHÍ KIÊN



Mẹ NGUYỄN THỊ HOẠT



Năm sinh: 1907 ; năm từ trần *

Quê quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ngày 14-9-1994.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Lưu Văn Trần: Sinh năm 1933; đơn vị tại ngũ Đoàn 234-Cục Hậu cần; hy sinh ngày 31-5-1974, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số RG 015^b.
2. Liệt sĩ Lưu Văn Thái: Sinh năm 1937; đơn vị tại ngũ F338-P1; hy sinh ngày 12-8-1969; Bằng Tổ quốc ghi công số OY 540^b.

Mẹ PHẠM THỊ LỤC



Năm sinh: 1916

Quê quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 393 KT/CTN ngày 01-12-1994.

Hình thức khen thưởng của Mẹ: Huân chương độc lập hạng Ba.

Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Hùng: Sinh năm 1942; nhập ngũ năm 1966; hy sinh tháng 3-1968, tại chiến trường B1 (Quân khu 5); Bằng Tổ quốc ghi công số PS 340^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ BỐN



Năm sinh: 1920; năm từ trần: 1999

Quê quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Trú quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.

Con độc nhất là liệt sĩ Trần Văn Hải: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 01-02-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số KQ 512^b ngày 14-01-1974.

* Chưa xác minh được thông tin



Mẹ NGUYỄN THỊ ỬƠNG



Năm sinh: 1907 năm từ trần: *
Quê quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Trần Xuân Tú: Sinh năm 1942; hy sinh ngày 4-4-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số HA 609^b ngày 01-9-1973.

Mẹ NGUYỄN THỊ GÁI



Năm sinh: 1918; năm từ trần: 1969
Quê quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 394 KT/CTN ngày 17-12-1994.
Con độc nhất là liệt sĩ Nguyễn Văn Núi: Sinh năm 1947; hy sinh ngày 08-5-1970, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số VD 898^b.

Mẹ NGUYỄN THỊ TÔN



Năm sinh: 1921; năm từ trần: 2011
Quê quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.
Có 2 con là liệt sĩ:
1. Liệt sĩ Đoàn Văn Tơ: Sinh năm 1946; đơn vị tại ngũ D21-F5-KB; hy sinh ngày 25-6-1970; Bằng Tổ quốc ghi công số GN 066^b/CL ngày 14-7-1973.
2. Liệt sĩ Đoàn Văn Biên: Sinh năm 1940; hy sinh ngày 04-7-1965; Bằng Tổ quốc ghi công số RK 918^b/CL.



Mẹ NGUYỄN THỊ LOAN



Năm sinh: 1917; năm từ trần: 2001
Quê quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 750/QĐ-CTN ngày 02-4-2014.

Có 2 con là liệt sĩ:

1. Liệt sĩ Nguyễn Văn Khải: Sinh năm 1944; nhập ngũ năm 1965; hy sinh ngày 23-7-1968, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số OM 837^b ngày 15-7-1969.

2. Liệt sĩ Nguyễn Văn Hoàn: Sinh năm 1953; nhập ngũ 1968; hy sinh ngày 02-12-1972, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số PE 474^b ngày 24-6-1975.





BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ XUÂN DỤC

Mẹ NGUYỄN THỊ GIA



Năm sinh: 1919; năm từ trần: 1984
Quê quán: Xã Xuân Dục, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 841 KT/CTN ngày 24-4-1996.
Con độc nhất là liệt sĩ Dư Xuân Thư: Sinh năm 1944; nhập ngũ tháng 02-1961; hy sinh ngày 25-10-1971, tại Mặt trận phía Nam; Bằng Tổ quốc ghi công số QR 698^b.

